

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

HOẠT ĐỘNG 1: Khởi động

a. **Mục tiêu:** Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. **Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân để nhận biết về cấu tạo từ Tiếng Việt

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và phân giới thiệu của GV

d. **Tổ chức thực hiện:**

GV cho HS tham gia cuộc thi: Nghĩ nhanh, đáp trúng

GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ trong 3 phút, chia lớp thành 4 nhóm. Nhóm 1,2 thực hiện câu 1, nhóm 3,4 thực hiện câu 2. Nhóm nào lí giải phù hợp, chính xác nghĩa của từ thì chiến thắng

Câu 1: Trong câu văn: “*Tiếng rao hàng, tiếng trả giá, tiếng nói cười râm ran cả trường*”. Nếu thay từ “*râm ran*” bằng từ “*vang*” thì có giúp người đọc hình dung ra không khí hội chợ xuân ở trường không? Vì sao?

Câu 2: Trong câu văn: “*Hai bên đánh nhau ròng rã suốt mấy tháng trời, cuối cùng Sơn Tinh vẫn vững vàng mà sức Thủy Tinh thì đã kiệt*.” Nếu thay từ “*ròng rã*” bằng từ “*mãi*” thì độ căng thẳng của trận giao tranh giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh có mất đi tính chất quyết liệt không? Vì sao?

- Dự kiến:

+ **Câu 1: Râm ran:** nhiều tiếng cười nói hoà vào nhau rộn rã. Giúp người đọc hình dung ra không khí đông vui, náo nhiệt, rộn ràng của hội chợ xuân ở trường.

Vang: âm thanh lan tỏa ra không gian rộng. Chưa làm nổi bật không khí vui vẻ, đông đúc, náo nhiệt của hội chợ xuân ở trường.

+ **Câu 2: Ròng rã:** kéo dài, liên tục, chỉ tình chất quyết liệt, giằng co, căng thẳng, dai dẳng kéo dài của cuộc giao tranh giữa Sơn Tinh với Thủy Tinh.

Mãi: chỉ sự kéo dài. Không diễn tả được sự dai dẳng, quyết liệt của cuộc giao tranh giữa hai vị thần.

- **GV kết nối:** GV nêu mục tiêu của tiết học và phạm vi kiến thức trong tiết học mà HS được ôn tập, củng cố: Muốn dùng được từ chúng ta phải hiểu nghĩa của từ, Vậy việc đoán nghĩa của từ ngữ có những cách nào? Tiết học hôm nay chúng ta sẽ ôn tập và rèn kĩ năng hiểu và vận dụng được cách nhận biết nghĩa của từ ngữ.

HOẠT ĐỘNG 2: I. Nhắc lại lí thuyết

a. **Mục tiêu:** TV- GQVĐ

HS củng cố lại kiến thức về cách nhận biết nghĩa của từ ngữ (suy đoán, tra từ điển).

b. **Nội dung hoạt động:** HS làm việc cặp đôi để nhắc lại lí thuyết, hoàn thành bài tập.

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
<p>* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>GV cho HS tạo các cặp đôi</p> <p>Nhiệm vụ:</p> <p>(1) <i>Khi đọc một VB, các em có gặp những từ ngữ khó hiểu không? Các em đã làm thế nào để hiểu được các từ ngữ đó? Cho ví dụ?</i></p> <p>- Giải nghĩa của từ gia tài theo cách thứ 2.</p> <p>- Suy đoán nghĩa của từ ròng rã trong câu văn: <i>“Hai bên đánh nhau ròng rã suốt mấy tháng trời, cuối cùng Sơn Tinh vẫn vững vàng mà sức Thủy Tinh thì đã kiệt.” Ta có thể dựa vào các từ ngữ nào trong câu văn trên.</i></p> <p>- Học sinh tiếp nhận và thực hiện.</p> <p>* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS suy nghĩ. Viết câu trả lời ra giấy. Sau đó cùng trao đổi với bạn trong cặp đôi.</p> <p>* Bước 3. Báo cáo kết quả: Đại diện HS trả lời miệng, trình bày kết quả.</p> <p>* Bước 4. Đánh giá kết quả</p> <p>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá</p> <p>- Giáo viên nhận xét, đánh giá</p>	<p>I. Nhắc lại lí thuyết</p> <p>Các cách giải nghĩa của từ ngữ</p> <p>* Để hiểu nghĩa của từ ngữ thông thường có thể dùng các cách sau:</p> <p>- Cách 1: Tra từ điển.</p> <p>- Cách 2: Dựa vào các yếu tố tạo nên từ ngữ đó để suy đoán nghĩa của nó.</p> <p>Ví dụ: gia tài:</p> <p>+ gia là nhà,</p> <p>+ tài là của cải</p> <p>→ gia tài: là của cải riêng của một người hay một gia đình.</p> <p>* Để giải thích nghĩa của từ ngữ trong câu, đoạn văn, nên dựa vào các từ ngữ xung quanh</p> <p>Ví dụ: <i>“Hai bên đánh nhau ròng rã suốt mấy tháng trời, cuối cùng Sơn Tinh vẫn vững vàng mà sức Thủy Tinh thì đã kiệt.”</i></p> <p>- Nghĩa của từ “ròng rã” có thể dựa vào các từ xung quanh như “suốt mấy tháng trời”, “cuối cùng” “đã kiệt” để suy ra nghĩa của từ ròng rã là liên tục, kéo dài, dai dẳng mãi rồi mới kết thúc.</p>

HOẠT ĐỘNG 3: II. Thực hành

1. Nghĩa của từ:

a. Mục tiêu: TV- GQVĐ

- HS ôn tập củng cố về cách hiểu nghĩa từ ngữ bằng cách giải nghĩa các yếu tố tạo nên từ ngữ, và suy đoán dựa vào từ ngữ xung quanh.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc nhóm qua trò chơi Ai nhanh hơn, hoàn thành bài tập vào phiếu học tập số 1, kỹ thuật nhanh như chớp để hoàn thành phiếu số 2.

c. Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS					Dự kiến sản phẩm																														
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ) HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN</p> <p>GV yêu cầu HS theo dõi, đọc thầm bài 1, trang 30, nêu yêu cầu của bài</p> <p>GV cho HS được làm quen với một mô hình cấu tạo từ Hán Việt là <i>gia</i> +A, phát triển vốn từ có mô hình trên đồng thời biết được các yếu tố Hán Việt mới, giúp HS hình dung một thao tác rất quan trọng để suy đoán nghĩa của từ là dựa vào cấu tạo, ý nghĩa của các thành tố tạo nên từ đó.</p> <p>Phiếu học tập số 01</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Stt</th> <th>Yếu tố Hán Việt A</th> <th>Nghĩa của y u tố Hán Việt A</th> <th>Từ Hán Việt (<i>gia</i>+A)</th> <th>Nghĩa của từ Hán Việt (<i>gia</i>+A)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td><i>tiên</i></td> <td></td> <td><i>gia tiên</i></td> <td></td> </tr> <tr> <td>2</td> <td><i>truyền</i></td> <td></td> <td><i>gia truyền</i></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3</td> <td><i>cảnh</i></td> <td></td> <td><i>gia cảnh</i></td> <td></td> </tr> <tr> <td>4</td> <td><i>sản</i></td> <td></td> <td><i>gia sản</i></td> <td></td> </tr> <tr> <td>5</td> <td><i>súc</i></td> <td></td> <td><i>gia súc</i></td> <td></td> </tr> </tbody> </table> <p>Thực hiện vào phiếu học tập số 3 trong vòng 5 phút</p> <p>+Cách 1: GV cung cấp cho HS nghĩa của những yếu tố Hán Việt khó như tiên ; truyền; súc; sản (của cải); cảnh</p> <p>+ sau đó yêu cầu HS suy đoán nghĩa của cả từ.</p> <p>+ Cách 2: GV có thể cho HS huy động vốn từ có sẵn của các em để suy đoán nghĩa.</p> <p>++<i>Tiên</i> có nghĩa là gì? Các em thử nhớ xem có từ nào cũng có yếu tố <i>tiên</i>? (<i>đầu tiên, tiên phong, tiên tiến, tiên tri,...</i>) sau đó yêu cầu HS suy đoán nghĩa của cả từ <i>gia tiên</i></p> <p>++<i>Truyền</i> có nghĩa là gì? Các em thử nhớ xem có từ nào cũng có yếu tố <i>truyền</i>? (<i>truyền đạt, truyền thụ, truyền tin,</i></p>					Stt	Yếu tố Hán Việt A	Nghĩa của y u tố Hán Việt A	Từ Hán Việt (<i>gia</i> +A)	Nghĩa của từ Hán Việt (<i>gia</i> +A)	1	<i>tiên</i>		<i>gia tiên</i>		2	<i>truyền</i>		<i>gia truyền</i>		3	<i>cảnh</i>		<i>gia cảnh</i>		4	<i>sản</i>		<i>gia sản</i>		5	<i>súc</i>		<i>gia súc</i>		<p>Bài 1/tr 30: Suy đoán nghĩa của từ là dựa vào cấu tạo, ý nghĩa của các thành tố tạo nên từ đó.</p> <p>* Từ có yếu tố gia là nhà</p> <p>* Đoán nghĩa của các từ ngữ sau: <i>gia tiên, gia truyền, gia cảnh, gia sản, gia súc</i></p> <p>+ <i>tiên</i>: trước, sớm nhất,...;</p> <p>+ <i>truyền</i>: trao, chuyên giao,...</p> <p>+ <i>súc</i>: các loại thú nuôi như trâu, bò, dê, chó,.</p> <p>+ <i>cảnh</i>: hiện trạng nhìn thấy, tình cảnh</p> <p>+ <i>sản</i>: của cải</p>
Stt	Yếu tố Hán Việt A	Nghĩa của y u tố Hán Việt A	Từ Hán Việt (<i>gia</i> +A)	Nghĩa của từ Hán Việt (<i>gia</i> +A)																															
1	<i>tiên</i>		<i>gia tiên</i>																																
2	<i>truyền</i>		<i>gia truyền</i>																																
3	<i>cảnh</i>		<i>gia cảnh</i>																																
4	<i>sản</i>		<i>gia sản</i>																																
5	<i>súc</i>		<i>gia súc</i>																																

<p><i>truyền thống,...</i>) sau đó yêu cầu HS suy đoán nghĩa của cả từ <i>gia truyền</i></p> <p>+ Tuỳ theo đối tượng HS, GV có thể mở rộng thêm các từ Hán Việt khác có cùng cấu tạo, như: <i>gia quy, gia pháp, gia phả, gia bảo,...</i></p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, xác định 2 yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm nghĩa các yếu tố Hán Việt đi kèm - Giải nghĩa từ đó <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận HS trình bày, nhận xét, bổ sung (nếu cần)</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p>	
---	--

Stt	Yếu tố Hán Việt A	Nghĩa của yếu tố Hán Việt A	Từ Hán Việt (<i>gia+A</i>)	Nghĩa của từ Hán Việt (<i>gia+A</i>)
1	<i>tiên</i>	trước, sớm nhất,...;	<i>gia tiên</i>	Tổ tiên của gia đình; những người thuộc thế hệ đầu, qua đời đã lâu của gia đình.
2	<i>truyền</i>	trao, chuyển giao,...	<i>gia truyền</i>	Được chuyển giao, được truyền lại qua các thế hệ trong gia đình.
3	<i>cảnh</i>	hiện trạng nhìn thấy, tình cảnh	<i>gia cảnh</i>	Hoàn cảnh của gia đình.
4	<i>sản</i>	của cải	<i>gia sản</i>	Của cải, tài sản của gia đình.
5	<i>súc</i>	các loại thú nuôi như trâu, bò, dê, chó	<i>gia súc</i>	Các loại thú nuôi như trâu, bò, dê, chó, ... trong gia đình.

<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS theo dõi, đọc thầm bài 2, trang 30, nêu yêu cầu của bài: Vận</p>	<p>Bài 2/tr 30: Suy đoán nghĩa của từ ngữ dựa vào các từ ngữ xung quanh.</p> <table border="1" style="width: 100%; text-align: center;"> <tr> <td>Đoạn</td> <td>Từ ngữ</td> <td>Nghĩa của từ ngữ</td> </tr> </table>	Đoạn	Từ ngữ	Nghĩa của từ ngữ
Đoạn	Từ ngữ	Nghĩa của từ ngữ		

<p>dụng cách suy đoán nghĩa của từ ngữ dựa vào các từ ngữ xung quanh.</p> <p>- Thực hiện vào phiếu học tập số 02 trong</p> <p>GV cần giải thích để HS hiểu ví dụ được đưa ra trong bài tập 2 (về nghĩa của từ khéo léo), rút ra cách suy đoán (giải thích bằng cách đưa ra từ đồng nghĩa với từ cần giải thích); sau đó, tiến hành suy đoán nghĩa của từng từ in đậm. GV có thể hướng dẫn HS lập bảng theo mẫu sau (phiếu học tập số 2):</p> <p>GV hướng dẫn HS THẢO LUẬN NHÓM, KỸ THUẬT NHANH NHƯ CHỚP (phiếu học tập số 2):</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, xác định 2 yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu.</p> <p>- HS đọc câu văn, tìm nghĩa của từ in đậm dựa vào các từ ngữ xung quanh</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận HS trình bày, nhận xét, bổ sung (nếu cần)</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định <i>HS cần hiểu rõ: để giải thích nghĩa thông thường của từ ngữ, có thể tra từ điển; nhưng để giải thích nghĩa của từ ngữ trong câu, đoạn văn, nên dựa vào các từ ngữ xung quanh.</i></p>	trích		
	a	hiện nguyên hình	Trở về hình dạng vốn có
	b	vu vạ	Đổ tội cho người khác (tội mà người đó không làm)
	c	rộng lượng	Tâm lòng rộng rãi, dễ tha thứ, cảm thông với những tội lỗi, sai lầm, ... của người khác
	d	bùn rùn	Không thể cử động được do gân cốt như rã rời ra

Phiếu học tập số 2

Đoạn trích	Từ ngữ	Nghĩa của từ ngữ
a. Thạch Sanh đã xả xác nó ra làm hai mảnh. Trăn tinh hiện nguyên hình là một con trăn khổng lồ và để lại bên mình một bộ cung tên bằng vàng.	hiện nguyên hình	

b. Hồn trần tình và đại bàng lang thang, một hôm gặp nhau bàn cách báo thù Thạch Sanh. Chúng vào kho của nhà vua ăn trộm của cải mang tới quặng ở góc đá để vu vạ cho Thạch Sanh. Thạch Sanh bị bắt hạ ngục.	vu vạ	
c. Mọi người bấy giờ mới hiểu ra tất cả sự thật. Vua sai bắt giam hai mẹ con Lý Thông lại giao cho Thạch Sanh xét xử. Chàng rộng lượng tha thứ cho chúng về quê làm ăn.	rộng lượng	
d. Thạch Sanh xin nhà vua đừng động binh. Chàng một mình cầm cây đàn ra trước quân giặc. Tiếng đàn của chàng vừa cất lên thì quân sĩ của mười tám nước bủn rủn tay chân, không còn nghĩ gì được tới chuyện đánh nhau nữa.	bủn rủn	

<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS theo dõi, đọc thầm bài 3, trang 31, tìm yêu cầu của bài. Hình thức: cá nhân</p> <p>- Thực hiện vào phiếu học tập trong vòng 4 phút</p> <p>Phiếu học tập số 3</p> <table border="1" data-bbox="204 1087 763 1495"> <thead> <tr> <th>St</th> <th>Từ ngữ</th> <th>Nghĩa của từ ngữ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>a</td> <td>- <i>khỏe như voi:</i> - <i>lân la:</i> - <i>gạ:</i></td> <td></td> </tr> <tr> <td>b</td> <td><i>Hí hửng:</i></td> <td></td> </tr> <tr> <td>c</td> <td><i>Khôi ngô tuấn tú:</i></td> <td></td> </tr> <tr> <td>d</td> <td>- <i>bất hạnh:</i> - <i>buồn rười rượi:</i></td> <td></td> </tr> </tbody> </table> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, xác định 2 yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu. - Yêu cầu HS giải thích nghĩa của từ ngữ. vận dụng cách suy đoán hoặc tra từ điển.</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận HS trình bày, nhận xét .</p>	St	Từ ngữ	Nghĩa của từ ngữ	a	- <i>khỏe như voi:</i> - <i>lân la:</i> - <i>gạ:</i>		b	<i>Hí hửng:</i>		c	<i>Khôi ngô tuấn tú:</i>		d	- <i>bất hạnh:</i> - <i>buồn rười rượi:</i>		<p>Bài 3/tr 31:</p> <table border="1" data-bbox="792 751 1393 1633"> <thead> <tr> <th>Stt</th> <th>Từ ngữ</th> <th>Nghĩa của từ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>a</td> <td>- <i>khỏe như voi:</i> - <i>lân la:</i> - <i>gạ:</i></td> <td>- rất khỏe, khỏe khác thường. - từ từ đến gần, tiếp cận ai đó. - chào mời, dụ dỗ làm việc gì đó</td> </tr> <tr> <td>b</td> <td><i>Hí hửng:</i></td> <td>vui mừng thái quá</td> </tr> <tr> <td>c</td> <td><i>Khôi ngô tuấn tú:</i></td> <td>diện mạo đẹp đẽ, sáng láng</td> </tr> <tr> <td>d</td> <td>- <i>bất hạnh:</i> - <i>buồn rười rượi:</i></td> <td>- không may, gặp phải những rủi ro khiến phải đau khổ. rất buồn, buồn lặng lẽ</td> </tr> </tbody> </table>	Stt	Từ ngữ	Nghĩa của từ	a	- <i>khỏe như voi:</i> - <i>lân la:</i> - <i>gạ:</i>	- rất khỏe, khỏe khác thường. - từ từ đến gần, tiếp cận ai đó. - chào mời, dụ dỗ làm việc gì đó	b	<i>Hí hửng:</i>	vui mừng thái quá	c	<i>Khôi ngô tuấn tú:</i>	diện mạo đẹp đẽ, sáng láng	d	- <i>bất hạnh:</i> - <i>buồn rười rượi:</i>	- không may, gặp phải những rủi ro khiến phải đau khổ. rất buồn, buồn lặng lẽ
St	Từ ngữ	Nghĩa của từ ngữ																													
a	- <i>khỏe như voi:</i> - <i>lân la:</i> - <i>gạ:</i>																														
b	<i>Hí hửng:</i>																														
c	<i>Khôi ngô tuấn tú:</i>																														
d	- <i>bất hạnh:</i> - <i>buồn rười rượi:</i>																														
Stt	Từ ngữ	Nghĩa của từ																													
a	- <i>khỏe như voi:</i> - <i>lân la:</i> - <i>gạ:</i>	- rất khỏe, khỏe khác thường. - từ từ đến gần, tiếp cận ai đó. - chào mời, dụ dỗ làm việc gì đó																													
b	<i>Hí hửng:</i>	vui mừng thái quá																													
c	<i>Khôi ngô tuấn tú:</i>	diện mạo đẹp đẽ, sáng láng																													
d	- <i>bất hạnh:</i> - <i>buồn rười rượi:</i>	- không may, gặp phải những rủi ro khiến phải đau khổ. rất buồn, buồn lặng lẽ																													

Bước 4: Kết luận, nhận định	
------------------------------------	--

2. Thành ngữ

a. Mục tiêu: TV- GQVĐ

- HS hiểu được nghĩa của thành ngữ, mối quan hệ của thành ngữ với các câu chuyện được kể.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân, kỹ thuật suy nghĩ tích cực, hoàn thành bài tập .

c. Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn HS tìm yêu cầu của bài và cách thực hiện.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS tìm hiểu nghĩa của thành ngữ dựa vào đoạn truyện xuất hiện chi tiết có hình ảnh trong thành ngữ. Ví dụ: Thành ngữ: <i>niêu cơm Thạch Sanh</i> để hiểu được nghĩa cần căn cứ vào đoạn văn: “<i>Thạch Sanh sai dọn một mâm cơm ...ăn hết lại đầy</i>”. Em hiểu nghĩa của thành ngữ <i>niêu cơm Thạch Sanh</i> là gì? - Em hãy tìm những thành ngữ được hình thành từ nội dung của các truyện kể?</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận HS trình bày, nhận xét</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p>	<p><u>Bài tập 4/tr 32</u></p> <p>- <i>Niêu cơm Thạch Sanh</i>: <i>niêu cơm</i> ăn không bao giờ hết, suy rộng ra là nguồn cung cấp vô hạn. - <i>Hiện như cô Tấm (Truyện Tấm Cám)</i>: rất hiền. - <i>Thạch Sùng còn thiếu mẻ kho (truyện Thạch Sùng)</i>: Trên đời khó có ai được hoàn toàn đầy đủ.</p>

Hướng dẫn học ở nhà: Suu tầm dị bản của truyện cổ tích Thạch Sanh, tìm đọc truyện cổ tích khác. Vẽ sơ đồ tư duy về truyện, hoặc vẽ tranh hình ảnh ấn tượng về Thánh Gióng, có thể đóng một đoạn kịch ngắn dựa theo VB.

- Chuẩn bị tiết: Thực hành tiếng Việt: ôn về nghĩa của từ, các loại cụm từ, phép tu từ điệp ngữ, đọc trước và dự kiến cho các bài tập trong SGK

- Chuẩn bị: đọc, tìm hiểu về truyện cổ tích Cây khế (tóm tắt truyện, trả lời câu hỏi trong SGK)